

Số: 19/NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 01 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thống nhất nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bà Rịa,
tỉnh Bình Dương đến năm 2040, tầm nhìn đến 2070**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀ BÀNG
KHÓA II - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Công văn số 302/UBND-KTN ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chủ trương lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Bà Rịa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Lai Hưng, huyện Bà Rịa;

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về việc thống nhất nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bà Rịa, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bà Rịa, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070, cụ thể như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bà Rịa, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.

2. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Bà Rịa gồm 06 xã và 01 thị trấn: thị trấn Lai Uyên, xã Cây Trường II, Hưng Hòa, Lai Hưng, Long Nguyên, Tân Hưng, Trù Văn Thố với tổng diện tích tự nhiên là 340,02 km², tứ cận như sau:



- Phía Bắc: giáp huyện Chơn Thành - tỉnh Bình Phước.
- Phía Nam: giáp thị xã Bến Cát, huyện Bắc Tân Uyên.
- Phía Đông: giáp huyện Phú Giáo.
- Phía Tây: giáp huyện Dầu Tiếng.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa mục tiêu xây dựng vùng tỉnh Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2040, tầm nhìn đến 2070 và xây dựng các huyện Nông thôn mới. Theo đó, năm 2019 huyện Bàu Bàng được công nhận Huyện nông thôn mới.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng thông qua công tác quy hoạch xây dựng.

- Quy hoạch huyện Bàu Bàng theo các tiêu chí của Huyện nông thôn mới nhằm xác định thực trạng và mục tiêu phấn đấu từng bước hoàn thiện các tiêu chí theo quy định.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng kinh tế, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của Huyện đề ra trong mối quan hệ với Vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện.

4. Quy mô lập quy hoạch:

Quy mô dân số đô thị, nông thôn và tỷ lệ đô thị hóa các giai đoạn được thể hiện trong bảng sau :

Hạng mục	Hiện trạng 2017	Giai đoạn 2030	Giai đoạn 2040
Dân số đô thị (người)	30.165	90.000 - 95.000	135.000- 140.000
Dân số nông thôn (người)	63.061	50.000 - 55.000	55.000 - 60.000
Tổng cộng (người)	93.226	140.000 - 150.000	190.000-200.000
Tỷ lệ đô thị hoá (%)	32,34	63,33	70,00

5. Tính chất, chức năng, vai trò:

- Là Huyện điểm đạt chuẩn nông thôn mới vào giai đoạn 2019 của tỉnh Bình Dương.

- Là huyện phát triển theo hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp dịch vụ, trong tương lai trở thành trung tâm công nghiệp phía Bắc của tỉnh Bình Dương.

- Là huyện cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Bình Dương, kết nối với tỉnh Bình Phước và khu vực Tây Nguyên thông qua tuyến Quốc lộ 13.

- Huyện thuộc Vùng Kinh tế phía Bắc của tỉnh, có sự tác động tương hỗ và gắn kết với không gian kinh tế của huyện Dầu Tiếng và huyện Phú Giáo.

6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản áp dụng:

a) Chỉ tiêu đất xây dựng:

- Chỉ tiêu đất xây dựng bình quân: 250-280 m²/người
- Chỉ tiêu sử dụng đất khu dân dụng bình quân: 80-100 m²/người

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2030	2040
1	Giao thông :			
	Khu vực đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 11.5m$)	km/km ²	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 2
	Khu vực nông thôn			
	- Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq VI$ (mặt đường $\geq 3.5m$, nền đường $\geq 6.5m$)	$\geq VI$ (mặt đường $\geq 3.5m$, nền đường $\geq 6.5m$)
2	Cấp nước			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	100	120
	- Tỷ lệ cấp nước	%	98	100
	+ Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn	L/người/ngày	80	100
	- Tỷ lệ cấp nước	%	92	95
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha	35	35
3	Thoát nước bản			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp	m ³ /ha	80%	80%
4	Cấp điện:			
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô	KW/ng/năm	400	1.000

STT	Hạng mục	Đơn vị Tỉnh	Năm tính	
			2030	2040
	thị	KW/ng/năm	240	500
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn			
	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp	KW/ha	200	250
	- Tiêu chuẩn cấp điện TT công nghiệp	KW/ha	100	140

7. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

- Yêu cầu về đánh giá hiện trạng vùng huyện.
- Xác định các tiền đề phát triển vùng huyện.
- Định hướng phát triển không gian vùng.
- Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:
 - + Giao thông
 - + Chuẩn bị kỹ thuật
 - + Cấp nước
 - + Cấp điện
 - + Viễn thông
 - + Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang
- Đánh giá môi trường chiến lược của đồ án.
- Các dự án ưu tiên đầu tư.
- Đề xuất cơ chế quản lý phát triển vùng huyện thông qua quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khóa II, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. ^{trj}

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT. HU; TT. HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. ^{vu}



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Võ Thị Kim Nghĩa